

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 402/2024/HS-ST

Ngày: 19/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Phước

2. Ông Cao Quốc Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 264/2024/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 454/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị K, sinh năm: 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 83/25/8 Đường B, khu phố D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Nhà không số, hẻm C, Đường số H, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T; chồng tên Đoàn Phúc H1.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Huỳnh Thị Kim H2; Sinh năm 1967;

Thường trú: 14/3 Đường A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Nhà trọ đường số I, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Phan Thị Hoàng Q, sinh năm 1980

Thường trú: 56/77/7/12 Đường H, Tổ B, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Nhà không số hẻm A, đường L, Tổ A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị Mộng T1; Sinh năm 1982,

Thường trú và nơi ở hiện tại: 902 L, khu phố T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc D; Sinh năm 1973;

Thường trú: A N, Khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Nhà không số, tổ A, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Kim C; Sinh năm 1969

Thường trú: 168/8/3 T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: hẻm A L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Ngô Trương Ngọc C1; Sinh năm 1985;

Thường trú: B305A Đ, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Nhà không số, Đường số H, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc D1; Sinh năm 1969;

Nơi thường trú: 9.16 Khối G, lô N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: nhà không số đường L, tổ F, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ; Sinh năm 1984;

Thường trú: 33 Đường A, tổ C, khu phố T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Hẻm B đường L, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Nguyễn Thị T2; Sinh năm 1970;

Thường trú và nơi ở hiện tại: 1 Đường I, tổ B, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Nghiêm Thị Thanh T3; Sinh năm 1983

Thường trú: B khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 2A hẻm B khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Trần Thị P; Sinh năm 1983;

Thường trú: ấp D, xã B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: nhà không số, Đường I, tổ B, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Bà Trần Thị Tuyết N; Sinh năm 1968;

Thường trú: 175 Khu phố C, phường A, thành phố T.

Tạm trú: nhà không số tổ B, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà Lê Thị K1, sinh năm 1974

Thường trú: 06P L, Tổ C, khu phố T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Nhà không số, đường L, Tổ C, khu phố T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Ông Nguyễn Thanh S; Sinh năm 1978;

Thường trú: 34/8 Đường H, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: nhà không số, Đường I, Tổ D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Bà Kim Thị H3, sinh năm: 1965

Thường trú và nơi ở hiện tại: Q2, hẻm C, Đường H, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/01/2024, Công an phường L, thành T phát hiện Nguyễn Thị K (sinh năm 1984) có hành vi cho vay tiền với lãi suất cao cho nhiều người dân buôn bán tại khu vực chợ L, phường L. Từ tháng 01/2021 đến tháng 01/2024, K đã cho 31 người vay tiền, trong đó đã điều tra xác minh được 15 người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Người vay thứ nhất, Huỳnh Thị Kim H2 (sinh năm 1967): Từ năm 2021 đến năm 2023, chị Kim H2 có 08 khoản vay với K có mức lãi suất trên 100%/năm, gồm:

- Khoản vay 1: chị H2 vay số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 24/02/2021 đến ngày 20/03/2021, vay trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Ngày 20/03/2021, chị H2 trả đủ 24 ngày với số tiền 3.600.000 đồng. Với khoản vay này, có mức lãi suất là

0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 39.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 560.400 đồng.

- Khoản vay 2: chị H2 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 22/03/2021 đến ngày 14/04/2021, vay trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị H2 đã trả được số tiền 2.200.000 đồng thì đến ngày 12/04/2021, đáo hạn vay khoản vay mới. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 0,91%/ngày, 27,27%/tháng, 331,82%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 24.200 đồng, thu lợi bất chính số tiền 375.800 đồng

- Khoản vay 3: chị H2 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 12/4/2021 đến ngày 6/5/2021, vay trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị H2 đã trả được số tiền 2.300.000 đồng thì đến ngày 03/05/2021, đáo hạn vay khoản vay mới. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 0,95%/ngày, 28,57%/tháng, 347,62%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 23.100 đồng, thu lợi bất chính số tiền 376.900 đồng.

- Khoản vay 4: chị H2 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 3/5/2021 đến ngày 27/5/2021, vay trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị H2 đã trả được số tiền 2.000.000 đồng thì đến ngày 24/05/2021 thì đáo hạn khoản vay mới. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 0,95%/ngày, 28,57%/tháng, 347,62%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 23.100 đồng, thu lợi bất chính số tiền 376.900 đồng.

- Khoản vay 5: chị H2 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 24/5/2021 đến 17/6/2021, vay trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị H2 đã trả hết số tiền 2.400.000 đồng đến ngày 17/6/2021. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 26.400 đồng, thu lợi bất chính số tiền 373.600 đồng.

- Khoản vay 6: chị H2 vay số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 29/5/2021 đến 22/6/2021, vay trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.200.000 đồng. Chị H2 đã trả hết số tiền 1.200.000 đồng đến ngày 22/6/2021. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 200.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 13.200 đồng, thu lợi bất chính số tiền 186.800 đồng.

- Khoản vay 7: chị H2 vay tiền gốc số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 4/2/2023, mỗi tháng trả lãi 3.000.000 đồng, tính đến ngày 04/06/2023, chị H2 đã trả được cho K số tiền lãi là 9.000.000 đồng.

- Khoản vay 8: từ khoản vay thứ 7 trên, do khó khăn nên từ ngày 4/6/2023, chị H2 và K thỏa thuận bắt đầu trả khoản vay 10.000.000 đồng ngày qua hình thức trả góp cả gốc và lãi 1 tháng đóng 3.000.000 đồng trong vòng 6 tháng. Từ ngày 4/6/2023 cho đến ngày 5/9/2023, Chị H2 đã trả được cho K số tiền 6.000.000 đồng, còn nợ lại 12.000.000 đồng. Với khoản vay 10.000.000 đồng trả lãi 04 tháng, có mức lãi suất 0,75%/ngày, 22,5%/tháng, 273,75%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 660.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 8.340.000

đồng. Với số tiền 6.000.000 đồng trả cả gốc và lãi, có mức lãi suất là 0,44%/ngày, 13,33%/tháng, 162,22%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 385.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 2.726.111 đồng.

Toàn bộ tiền vay đều được giao dịch qua hình thức tiền mặt. Tổng số tiền K cho chị H2 vay (08 khoản vay trên) là 22.000.000 đồng, chị H2 đã trả cho K tổng số tiền là 30.400.000 đồng, trong đó có 15.888.889 tiền gốc, 14.511.111 đồng tiền lãi. Kiều được thu lợi theo quy định là 1.194.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 13.316.511 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 162,22%/năm đến 347,62%/năm. Chị H2 còn nợ số tiền gốc của K là 6.111.111 đồng.

2. Người vay thứ hai, Phan Thị Hoàng Q (sinh năm 1980): Từ năm 2022 đến năm 2023, chị Q có 03 khoản vay với K, trong đó có 04 khoản vay có mức lãi suất trên 100%/năm, cụ thể:

- Khoản vay 1: chị Q vay của K số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 31/03/2022, trả lãi hàng tuần với số tiền lãi là 500.000 đồng. Chị Q trả được 4 tuần tiền lãi với số tiền 2.000.000 đồng cho đến ngày 19/04/2022 thì bắt đầu chuyển qua trả góp ngày. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 1,43%/ngày, 42,86%/tháng, 521,43%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 77.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.923.000 đồng.

- Khoản vay 2: chị Q vay của K số tiền 5.000.000 đồng của khoản vay ngày 31/3/2022 và chuyển qua trả góp cả gốc lẫn lãi trong vòng 25 ngày với tiền đóng hàng ngày (cả gốc và lãi) là 250.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Q đã trả đủ cho K số tiền gốc và lãi trong vòng 25 ngày với tổng số tiền 6.250.000 đồng vào ngày 20/07/2022. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 0,27%/ngày, 8,24%/tháng, 100,27%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 250.250 đồng, thu lợi bất chính số tiền 999.750 đồng.

- Khoản vay 3: chị Q vay của K số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 11/07/2023, trả góp trong vòng 6 tuần, số tiền góp (cả gốc và lãi) theo tuần là 2.250.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 13.500.000 đồng. Đến ngày 12/08/2023, đóng được 4 tuần và 04 ngày (tương ứng 32 ngày) với số tiền thì chị Q đáo hạn vay khoản vay mới với số tiền 10.000.000 đồng và trả cả gốc và lãi trong 6 tuần, mỗi tuần đóng số tiền 2.300.000 đồng. Việc đáo hạn khoản vay ngày 12/08/2023 này tính đến ngày 15/01/2024 chị Q chỉ mới trả được 12.400.000 đồng, có mức lãi suất theo năm là 88,91%, chưa vượt mức 100%.

- Khoản vay 4: chị Q vay của K số tiền 18.000.000 đồng từ ngày 19/08/2023, thỏa thuận trả lãi theo ngày với số tiền 180.000 đồng. Đến ngày 31/08/2023, chị Q đã trả cho K số tiền lãi là 1.800.000 đồng và trả hết tiền gốc 18.000.000 đồng. Với khoản vay này, có mức lãi suất 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm. Kiều thu lợi theo quy định số tiền 118.800 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.681.200 đồng.

Với 04 khoản vay trên, việc vay, trả tiền bằng tiền mặt, tổng số tiền chị Q vay của K là 33.000.000 đồng, chị Q đã trả cho K tổng số tiền là 39.750.000 đồng, trong đó có 33.000.000 đồng tiền gốc, 8.550.000 đồng tiền lãi. Kiều được thu lợi theo quy định là 622.050 đồng, thu lợi bất chính số tiền 7.927.950 đồng,

mức lãi suất thấp nhất là 100,27%/năm đến 521,43%/năm. Chị Q không còn nợ tiền gốc Kiều.

3. Người vay thứ ba, Nguyễn Thị Mộng T1 (sinh năm 1982): Từ năm 2023 đến năm 2024, chị T1 vay của K 03 khoản vay, trong đó có 02 khoản vay có mức lãi suất trên 100%/năm, cụ thể:

- Khoản vay 1: chị T1 vay của K số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 30/12/2023, trả góp trong vòng 26 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi số tiền 200.000 đồng, tổng tiền phải trả là 5.200.000 đồng. Chị T1 đã trả cho K được 17 ngày đến ngày 16/01/2024 với tổng số tiền là 3.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.615.385 đồng, tiền lãi 784.615 đồng). Với khoản vay này, có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm. K đã thu số tiền lãi là 784.615 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 37.400 đồng, thu lợi bất chính số tiền 747.215 đồng. Hiện chị T1 còn nợ lại K số tiền gốc là 1.384.615 đồng.

- Khoản vay 2: chị T1 vay của K số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 04/01/2024, trả góp trong vòng 26 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi số tiền 150.000 đồng, tổng tiền phải trả là 3.900.000 đồng. Đến ngày 15/01/2024, chị T1 đáo hạn khoản vay, vay mới số tiền 5.000.000 đồng. Với khoản vay này, chị T1 đã trả cho K số tiền 3.900.000 đồng (trong đó tiền gốc 3.000.000 đồng, tiền lãi 900.000 đồng). Với khoản vay này, có mức lãi suất là 3%/ngày, 90%/tháng, 1.095%/năm. K đã thu đủ số tiền lãi 900.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 16.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 883.500 đồng. Chị T1 không còn nợ lại tiền gốc.

Với hai khoản vay trên, cả hai giao dịch bằng tiền mặt, tổng số tiền chị T1 vay của K là 7.000.000 đồng, chị T1 đã trả cho K số tiền 7.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.615.385 đồng, tiền lãi 1.684.615 đồng. Kiều được thu lợi theo quy định là 53.900 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.630.715 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 421,15%/năm đến 1.095%/năm. Hiện chị T1 còn nợ lại K số tiền gốc là 1.384.615 đồng của khoản vay 1.

4. Người vay thứ tư, Nguyễn Thị Ngọc D (sinh năm 1973): Từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, chị D có 9 khoản vay có mức lãi suất trên 100%/năm, cụ thể:

- Khoản vay 1: chị D vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 05/11/2023 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chị D trả được 21 ngày với số tiền 2.100.000 đồng, đến ngày 26/11/2023 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 1,43%/ngày, 42,86%/tháng, 521,43%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 23.100 đồng, thu lợi bất chính số tiền 576.900 đồng.

- Khoản vay 2: chị D vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 26/11/2023 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. chị D trả được 19 ngày với số tiền 1.900.000 đồng, đến ngày 15/12/2023 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 1,58%/ngày, 47,37%/tháng, 576,32%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi

600.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 20.900 đồng, thu lợi bất chính số tiền 579.100 đồng.

- Khoản vay 3: chị D vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 5/12/2023 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chị D trả được 17 ngày với số tiền 1.700.000 đồng, đến ngày 23/12/2023 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 1,76%/ngày, 52,94%/tháng, 644,12%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 18.700 đồng, thu lợi bất chính số tiền 581.300 đồng.

- Khoản vay 4: chị D vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 15/12/2023 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chị D trả được 18 ngày với số tiền 1.800.000 đồng, đến ngày 02/01/2024 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 1,67%/ngày, 50%/tháng, 608,33%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 19.800 đồng, thu lợi bất chính số tiền 580.200 đồng.

- Khoản vay 5: chị D vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 23/12/2023, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chị D trả được cho K 22 ngày với số tiền 2.200.000 đồng, đến ngày 14/01/2024 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 1,36%/ngày, 40,91%/tháng, 497,73%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 24.200 đồng, thu lợi bất chính số tiền 575.800 đồng.

- Khoản vay 6: chị D vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 2/1/2024 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chị D trả được 13 ngày với số tiền 1.300.000 đồng tính đến ngày 15/01/2024 (trong đó có 1.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi 300.000 đồng). Với khoản vay này, có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu số tiền lãi 300.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 14.300 đồng, T1 lợi bất chính số tiền 285.700 đồng. Chị D còn nợ lại số tiền gốc 1.000.000 đồng.

- Khoản vay 7: chị D vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 14/01/2024 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Tính đến ngày 15/01/2024, chị D trả được 1 ngày với số tiền 100.000 đồng (trong đó tiền gốc 76.923 đồng, tiền lãi 23.077 đồng). Với khoản vay này, có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu số tiền lãi 23.077 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 1.100 đồng, thu lợi bất chính số tiền 21.977 đồng. Chị D còn nợ lại số tiền gốc 1.923.077 đồng.

- Khoản vay 8: chị D vay của K số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 18/12/2023, một ngày trả tiền lãi cho K là 20.000 đồng. Đến ngày 27/12/2023, chị D trả tiền gốc 1.000.000 đồng kèm theo tiền lãi 9 ngày là 180.000 đồng. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 2%/ngày, 60%/tháng, 730%/năm, tiền thu lợi theo quy định là 4.950 đồng, thu lợi bất chính số tiền 175.050 đồng.

- Khoản vay 9: chị D vay của K số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 07/01/2024, trả lãi hàng ngày với số tiền 40.000 đồng, tính đến ngày 15/01/2024, chị D đã trả được cho K 320.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 2.000.000 đồng số tiền gốc. Với khoản vay này, có mức lãi suất là 2%/ngày, 60%/tháng, 730%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 8.800 đồng, thu lợi bất chính số tiền 311.200 đồng. Chị D còn nợ số tiền gốc 2.000.000 đồng.

Với 9 khoản vay trên, tổng số tiền chị D vay của K là 17.000.000 đồng, chị D đã trả số tiền 15.900.000 đồng, trong đó có 12.076.923 đồng tiền gốc, tiền lãi 3.823.077 đồng. Kiều được thu lợi theo quy định là 135.850 đồng, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 3.687.227 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 421,15%/năm đến 730%/năm. Chị D còn nợ K số tiền gốc 4.923.077 đồng của khoản vay 6, 7 và 9.

5. Người vay thứ năm, chị Nguyễn Kim C (sinh năm 1969): Ngày 28/12/2023, chị C vay của K số tiền 2.000.000 đồng, trả góp trong vòng 26 ngày, trả cả gốc và lãi từng ngày với số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Tính từ ngày 29/12/2023 đến ngày 15/01/2023, chị C đã trả cho K được 18 ngày, tương đương số tiền là 1.800.000 đồng.

Với khoản vay trên, có mức lãi suất theo năm là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu số tiền lãi là 415.385 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 19.800 đồng, thu lợi bất chính số tiền 395.585 đồng. Chị C còn nợ K số tiền 615.385 đồng.

6. Người vay thứ sáu, Ngô Trương Ngọc C1 (sinh năm 1985): Từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, chị C1 có 02 khoản vay với K có mức lãi suất từ 100%/năm trở lên, gồm:

- Khoản vay 1, chị C1 vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 01/11/2023 trả góp cả gốc và lãi trong 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. chị C1 trả góp được 13 ngày (tương ứng số tiền 3.250.000 đồng), đến ngày 14/11/2023 thì K cho chị C1 vay số tiền 5.000.000 đồng không tính lãi để trả số tiền còn lại của khoản vay này là 3.000.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,92%/ngày, 57,69%/tháng, 701,92%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi là 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 35.750 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.214.250 đồng.

- Khoản vay 2, chị C1 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 12/01/2024 trả góp cả gốc và lãi trong 26 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chị C1 trả góp được 03 ngày (tương ứng số tiền 300.000 đồng) tính đến ngày 15/01/2024, trong đó tiền gốc 230.769 đồng, tiền lãi 69.231 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu số tiền lãi là 69.231 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 3.300 đồng, thu lợi bất chính số tiền 65.931 đồng. Chị C1 còn nợ số tiền gốc 1.769.231 đồng.

Với hai khoản vay trên, tổng số tiền chị C1 vay của K là 7.000.000 đồng, chị C1 đã trả số tiền 6.550.000 đồng, trong đó có 5.230.769 đồng tiền gốc, 1.319.231 đồng tiền lãi. Kiều được thu lợi theo quy định là 39.050 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.280.181 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 421,15%/năm đến

701,92%/năm. Hiện chỉ C1 còn nợ K số tiền gốc của khoản vay thứ hai là 1.769.231 đồng.

7. Người vay thứ bảy, Nguyễn Thị Ngọc D1 (sinh năm 1969): Từ tháng 04/2021 đến tháng 01/2024, chỉ D1 vay của K 08 khoản vay có mức lãi suất vượt 100%/năm, gồm:

- Khoản vay 1, chỉ D1 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 9/4/2021 trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, một ngày trả góp số tiền 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chỉ D1 đã trả góp được 20 ngày (tương ứng số tiền 2.000.000 đồng), đến ngày 20/04/2021 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 22.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 378.000 đồng.

- Khoản vay 2, chỉ D1 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 29/4/2021 trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, một ngày trả góp số tiền 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chỉ D1 đã trả góp được 20 ngày (tương ứng số tiền 2.000.000 đồng), đến ngày 19/05/2021 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 22.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 378.000 đồng.

- Khoản vay 3, chỉ D1 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 19/05/2021 trả cả gốc và lãi trong vòng 25 ngày, một ngày trả góp số tiền 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.500.000 đồng. Chỉ D1 đã trả góp đủ 25 ngày vào ngày 24/06/2021. Khoản vay này có mức lãi suất là 01%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 500.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 27.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 472.500 đồng.

- Khoản vay 4, chỉ D1 vay số tiền 5.000.000 đồng góp cả gốc và lãi trong 12 tuần, mỗi tuần đóng 750.000 đồng, tổng tiền phải trả là 9.000.000 đồng. Chỉ D1 đã trả đủ tiền góp 12 tuần với tổng số tiền 9.000.000 đồng vào ngày 21/07/2022. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,95%/ngày, 28,57%/tháng, 347,62%/năm K đã thu đủ số tiền lãi 4.000.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 231.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.769.000 đồng.

- Khoản vay 5, chỉ D1 vay số tiền 1.000.000 đồng tiền đứng từ ngày 11/07/2022, trả lãi một tuần 70.000 đồng. Đến ngày 15/11/2022, chỉ D1 đã đóng tiền lãi được khoảng 18 tuần với số tiền lãi là 1.050.000 đồng và đồng thời trả luôn tiền gốc 1.000.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 69.850 đồng, thu lợi bất chính số tiền 980.150 đồng.

- Khoản vay 6, chỉ D1 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 9/12/2023 trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, một ngày góp 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chỉ D1 trả được 17 ngày (tương ứng số tiền 1.700.000 đồng), ngày 26/12/2023 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,76%/ngày, 52,94%/tháng, 644,12%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 18.700 đồng, thu lợi bất chính số tiền 581.300 đồng.

- Khoản vay 7, chị D1 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 26/12/2023 trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, một ngày góp 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chị D1 trả được 17 ngày (tương ứng số tiền 1.700.000 đồng tiền lãi) đến ngày 12/01/2024 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,76%/ngày, 5294%/tháng, 644,12%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 18.700 đồng, thu lợi bất chính số tiền 581.300 đồng.

- Khoản vay 8, chị D1 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 13/01/2024 trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, một ngày góp 100.000 đồng, tổng tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chị D1 trả được 3 ngày tính đến ngày 16/01/2024 (tương ứng số tiền 300.000 đồng) trong đó tiền gốc 230.769 đồng, tiền lãi 69.231 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu số tiền lãi là 69.231 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 3.300 đồng, thu lợi bất chính số tiền 65.931 đồng.

Với 8 khoản vay trên, cả hai đều giao dịch bằng tiền mặt, tổng số tiền chị D1 vay của K là 18.000.000 đồng, chị D1 đã trả cho K số tiền 23.850.000 đồng trong đó có 16.230.769 đồng tiền gốc, tiền lãi 7.619.231 đồng. Kiều được thu lợi theo quy định là 413.050 đồng, thu lợi bất chính số tiền 7.206.181 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 347,62%/năm đến 644,12%/năm. Chị D1 còn nợ lại K số tiền gốc là 1.769.231 đồng của khoản vay thứ tám.

8. *Người vay thứ tám, Nguyễn Thị Ngọc Đ (sinh năm 1984):* Từ tháng 08/2023 đến tháng 01/2024, chị Đ có 12 khoản vay có mức lãi suất trên 100%/năm, gồm:

- Khoản vay 1, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 01/8/2023 trả góp cả gốc và lãi trong 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 18 ngày (tương ứng số tiền 4.500.000 đồng), đến ngày 19/08/2023 thì đáo hạn khoản vay, vay tiếp khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,39%/ngày, 41,67%/tháng, 506,94%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 49.500 đồng, tiền thu lợi theo quy định là 23.100 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.200.500 đồng.

- Khoản vay 2, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 19/08/2023 trả góp cả gốc và lãi trong 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.009 đồng. Chị Đ trả góp được 12 ngày (tương ứng số tiền 3.000.000 đồng), đến ngày 31/08/2023 thì đáo hạn khoản vay, vay tiếp khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 2,08%/ngày 62,5%/tháng, 760,42%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 33.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.217.000 đồng.

- Khoản vay 3, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 31/08/2023 trả góp cả gốc và lãi trong 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 17 ngày (tương ứng số tiền 4.250.000 đồng), đến ngày 17/09/2023 thì đáo hạn khoản vay, vay tiếp khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,47%/ngày, 44,12%/tháng, 536,76%/năm, K

đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 46.750 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.203.250 đồng.

- Khoản vay 4, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 11/08/2023 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 13 ngày (tương ứng số tiền 3.250.000 đồng), đến ngày 24/08/2023 thì đáo hạn khoản vay, vay tiếp khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,92%/ngày, 57,69%/tháng, 701,92%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 35.750 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.214.250 đồng.

- Khoản vay 5, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 24/08/2023, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 15 ngày (tương ứng số tiền 3.750.000 đồng), đến ngày 07/09/2023 thì đáo hạn khoản vay, vay tiếp khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,67%/ngày, 50%/tháng, 608,33%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 41.250 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.208.750 đồng.

- Khoản vay 6, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 7/9/2023 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 13 ngày (tương ứng số tiền 3.250.000 đồng), đến ngày 20/09/2023 thì đáo hạn khoản vay, vay tiếp khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,92%/ngày, 57,69%/tháng, 701,92%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 35.750 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.214.250 đồng.

- Khoản vay 7, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 17/09/2023 trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 13 ngày (tương ứng số tiền 3.250.000 đồng), đến ngày 29/09/2023 thì đáo hạn khoản vay, vay tiếp khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,92%/ngày, 57,69%/tháng, 701,92%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 35.750 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.214.250 đồng.

- Khoản vay 8, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 20/09/2023 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 11 ngày (tương ứng số tiền 2.750.000 đồng), đến ngày 03/10/2023 thì đáo hạn khoản vay, vay tiếp khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 2,27%/ngày, 68,18%/tháng, 829,55%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 30.250 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.219.750 đồng.

- Khoản vay 9, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 29/09/2023 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 8 ngày (tương ứng số tiền 2.000.000 đồng) tính đến ngày 9/10/2023 còn nợ lại 4.250.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,96%/ngày, 28,85%/tháng, 350,96%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 22.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 362.615 đồng. Hiện chị Đ còn nợ số tiền gốc là 3.384.615 đồng.

- Khoản vay 10, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 3/10/2023 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 5 ngày (tương ứng số tiền 1.250.000 đồng) tính đến ngày 10/10/2023 còn nợ lại 5.000.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,96%/ngày, 28,85%/tháng, 350,96%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 13.750 đồng, thu lợi bất chính số tiền 226.635 đồng. Hiện chị Đ còn nợ số tiền gốc là 3.990.385 đồng.

- Khoản vay 11, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 24/12/2023 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 13 ngày (tương ứng số tiền 3.250.000 đồng) đến ngày 06/01/2024 thì đáo hạn khoản vay, vay tiếp khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,92%/ngày, 57,69%/tháng, 701,92%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.250.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 35.750 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 1.214.250 đồng.

- Khoản vay 12, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 6/01/2024 trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng, tổng tiền phải trả là 6.250.000 đồng. Chị Đ trả góp được 8 ngày (tương ứng số tiền 2.000.000 đồng) tính đến ngày 16/01/2024 Chị Đ còn nợ của K 4.250.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,96%/ngày, 28,85%/tháng, 350,96%/năm, K đã thu số tiền lãi là 384.615 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 22.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 362.615 đồng. Hiện Chị Đ còn nợ số tiền gốc là 3.384.615 đồng.

Với 12 khoản vay trên, tổng số tiền chị Đ vay của K là 60.000.000 đồng, chị Đ đã trả cho K số tiền 61.500.000 đồng trong đó có 49.240.385 đồng tiền gốc, 12.259.615 đồng tiền lãi. Kiều được thu lợi theo quy định là 401.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 11.858.115 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 350,96%/năm đến 829,55%/năm. Giữa chị Đ và K giao dịch bằng tiền mặt, có một số lần giao dịch trả tiền đóng góp bằng chuyển khoản từ tài khoản của chị Đ mở tại ngân hàng N1 số tài khoản 6300205067605 đến tài khoản của K mở tại ngân hàng T4 số tài khoản 07788359919. Chị Đ còn nợ K số tiền gốc là 10.759.615 đồng của khoản vay thứ 9, 10 và 12.

9. Người vay thứ chín, Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1970): Từ tháng 03/2021 đến tháng 01/2024, chị T2 có 11 khoản vay có mức lãi suất trên 100%/năm, gồm:

- Khoản vay 1, chị T2 vay số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 01/03/2021, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Chị T2 đã trả đủ 24 ngày góp với số tiền 12.000.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 132.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.868.000 đồng.

- Khoản vay 2, chị T2 vay số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 8/5/2021, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.200.000 đồng. Chị T2 đã trả đủ 24 ngày với số tiền

1.200.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 200.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 13.200 đồng, thu lợi bất chính số tiền 186.800 đồng.

- Khoản vay 3, chị T2 vay của K số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 31/10/2021, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Chị T2 đã trả đủ 24 ngày với số tiền 6.000.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 66.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 934.000 đồng.

- Khoản vay 4, chị T2 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 15/12/2021, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị T2 đã trả được 22 ngày với số tiền 2.200.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,91%/ngày, 27,27%/tháng, 331,82%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 24.200 đồng, thu lợi bất chính số tiền 375.800 đồng.

- Khoản vay 5, chị T2 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 05/01/2022, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị T2 đã trả đủ 24 ngày với số tiền 2.400.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 26.400 đồng, thu lợi bất chính số tiền 373.600 đồng.

- Khoản vay 6, chị T2 vay số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 12/09/2022, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.200.000 đồng. Chị T2 trả được 21 ngày với số tiền 1.050.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,95%/ngày, 28,57%/tháng, 347,62%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 200.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 11.550 đồng, thu lợi bất chính số tiền 188.450 đồng.

- Khoản vay 7, chị T2 vay số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 03/10/2022, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.200.000 đồng. Chị T2 trả được 14 ngày với số tiền 700.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,43%/ngày, 42,86%/tháng, 521,43%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 200.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 7.700 đồng, thu lợi bất chính số tiền 192.300 đồng.

- Khoản vay 8, chị T2 vay số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 17/10/2022, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.200.000 đồng. Chị T2 trả đủ 24 ngày với số tiền 1.200.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 200.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 13.200 đồng, thu lợi bất chính số tiền 186.800 đồng.

- Khoản vay 9, chị T2 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 13/06/2023, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 100.000 đồng,

tổng số tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chị T2 đã trả đủ 26 ngày với số tiền 2.600.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 28.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 571.400 đồng.

- Khoản vay 10, chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 01/7/2023, trả góp cả gốc và lãi trong 13 tuần, mỗi tuần đóng góp số tiền 700.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 9.100.000 đồng. Chị T2 đã trả được 6 tuần (tương ứng 42 ngày) với số tiền 4.200.000 đồng. Còn nợ lại số tiền 4.900.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,9%/ngày, 27,03%/tháng, 328,9%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.892.308 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 115.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.776.808 đồng. Chị T2 còn nợ số tiền gốc 2.692.308 đồng.

- Khoản vay 11, chị T2 vay số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 14/01/2024, trả góp cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Chị T2 trả được 02 ngày với số tiền 200.000 đồng. Còn nợ lại số tiền 2.400.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 46.154 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 2.200 đồng, thu lợi bất chính số tiền 43.954 đồng. Chị T2 còn nợ số tiền gốc 1.846.154 đồng.

Với 11 khoản vay trên, cả hai giao dịch bằng tiền mặt, tổng số tiền chị T2 vay của K là 32.000.000 đồng, chị T2 đã trả cho K số tiền 34.600.000 đồng trong đó có 27.461.538 đồng tiền gốc, tiền lãi 7.138.462 đồng. Kiều được thu lợi theo quy định là 440.550 đồng, thu lợi bất chính số tiền 6.697.912 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 304,17%/năm đến 521,43%/năm. Chị T2 còn nợ của K số tiền gốc là 5.438.462 đồng của hai khoản vay thứ 10 và 11.

10. Người vay thứ mười, Nghiêm Thị Thanh T3 (sinh năm 1983):

Tháng 06/2023, chị T3 đứng ra mượn số tiền 10.000.000 đồng cho chị Trần Thị P, thỏa thuận với K trả góp trong 13 tuần, mỗi ngày đóng góp 200.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 18.200.000 đồng. Chị T3 thỏa thuận với K lấy tiền góp hàng ngày từ chị Trần Thị P. Chị P đã trả cho K 03 tuần đóng góp với số tiền 4.200.000 đồng. Đến ngày 9/7/2023, do không có tiền đóng góp tiếp nên chị T3 đứng ra mượn tiếp số tiền 20.000.000 đồng của K và sử dụng 10.000.000 đồng trả lại cho K cho khoản vay 10.000.000 đồng góp 13 tuần, còn lại 10.000.000 đồng chị T3 trả nợ thay cho chị P cho người khác. Như vậy, với khoản vay trả góp 10.000.000 đồng, có mức lãi suất là 2,93%/ngày, 87,86%/tháng, 1.068,93%/năm, K đã thu số tiền lãi là 8.200.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 154.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 8.046.000 đồng.

Với số tiền 20.000.000 đồng vay thêm ngày 9/7/2023 trên, hai bên thỏa thuận trả tiền lãi 01 tháng/01 lần với số tiền 4.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng mức lãi suất 0,67%/ngày, 20%/tháng, 240%/năm. Chị P đã trả cho K được 6.000.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 10/2023, do không trả được nên chị T3 thỏa thuận với K không thu lãi theo tháng và trả 01 tháng số tiền 2.000.000 đồng trong vòng 17 tháng. Chị T3 thông qua chị P đã trả cho K được 3 tháng với số tiền là 6.000.000 đồng. Với khoản vay 20.000.000 đồng này, thì xác định tiền lãi thu được 6.000.000 đồng tính đến thời điểm trả tiền lãi (tháng 09/2023) có mức

lãi suất 0,5%/ngày, 15%/tháng, 182,5%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 660.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.340.000 đồng.

Với hai khoản vay góp 10.000.000 đồng và 20.000.000 đồng trả lãi tháng đến tháng 09/2023, chị T3 đã trả cho K số tiền 24.200.000 đồng trong đó có 13.529.412 đồng tiền gốc, tiền lãi 14.200.000 đồng. Kiều được thu lợi theo quy định là 814.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 13.386.000 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 182,5%/năm đến 1.068,93%/năm.

11. Người vay thứ mười một, Trần Thị P, (sinh năm 1983): Từ tháng 04/200 đến tháng 04/2023, chị P có 06 khoản vay có mức lãi suất trên 100%/năm, gồm:

- Khoản vay thứ nhất, ngày 24/4/2022, chị P vay của K số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 13 tuần (tương ứng 91 ngày), mỗi ngày góp 200.000 đồng và bắt đầu tính từ ngày 25/4/2022. Chị P đã đóng góp đủ khoản vay 10.000.000 đồng này, kết thúc vào ngày 08/08/2022 với tổng số tiền đưa cho K là 18.000.000 đồng, trong đó có 8.000.000 đồng tiền lãi. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,88%/ngày, 26,37%/tháng, 320,88%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 500.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 7.499.500 đồng.

- Khoản vay thứ hai, ngày 24/07/2022, chị P vay của K số tiền 5.000.000 đồng và trả tiền lãi theo tuần, mỗi tuần 350.000 đồng. Chị P đã đóng lãi cho K được 238 ngày (tương đương 34 tuần) từ ngày 25/07/2022 đến 19/03/2023 với số tiền lãi là 11.900.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền gốc ban đầu. Khoản vay này có mức lãi suất là 1%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 654.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 11.245.500 đồng.

- Khoản vay thứ ba, ngày 17/3/2023, chị P vay của K số tiền 10.000.000 đồng và trả tiền lãi theo tuần, mỗi tuần 700.000 đồng. Chị P đã đóng lãi cho K được 28 ngày (tương đương 4 tuần) từ ngày 18/03/2023 đến 17/04/2023 với số tiền lãi là 2.800.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền gốc ban đầu. Khoản vay này có mức lãi suất là 1%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 154.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.646.000 đồng.

- Khoản vay thứ tư, ngày 11/12/2022, chị P vay của K số tiền 5.000.000 đồng và góp tiền gốc lãi theo tuần trong 12 tuần, mỗi tuần đóng 750.000 đồng. Chị P đã góp cho K được 84 ngày tương đương 12 tuần với số tiền là 9.000.000 đồng, trong đó có 4.000.000 đồng tiền lãi, 5.000.000 đồng tiền gốc. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,95%/ngày, 3028,57%/tháng, 347,62%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 231.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.769.000 đồng.

- Khoản vay thứ năm, ngày 19/3/2023, chị P vay của K số tiền 5.000.000 đồng và góp tiền gốc lãi theo tuần trong 12 tuần, mỗi tuần đóng 750.000 đồng. Chị P đã góp cho K được 84 ngày tương đương 12 tuần với số tiền là 9.000.000 đồng, trong đó có 4.000.000 đồng tiền lãi, 5.000.000 đồng tiền gốc. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,95%/ngày, 28,57%/tháng, 347,62%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 231.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.769.000 đồng.

- Khoản vay thứ sáu, ngày 17/04/2023, chị P vay của K số tiền 30.000.000 đồng và góp tiền gốc lãi theo tuần trong 28 tuần, mỗi ngày góp 300.000 đồng. Chị P đã góp cho K được 148 ngày tương đương 20 tuần 04 ngày với số tiền là 43.200.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,67%/ngày, 20%/tháng,

243,33%/năm, số tiền thu lợi theo quy định là 2.376.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 18.783.184 đồng. Hiện chị P còn nợ của K số tiền gốc là 7.959.184 đồng.

Với 6 khoản vay trên, cả hai bên đều giao dịch bằng tiền mặt, tổng số tiền chị P vay của K là 65.000.000 đồng, chị P đã trả cho K số tiền 108.900.000 đồng trong đó có 57.040.816 đồng tiền gốc, 51.859.184 đồng tiền lãi. Kiểu được thu lợi theo quy định là 4.147.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 47.712.184 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 243,33%/năm đến 365%/năm. Hiện chị P còn nợ của K số tiền gốc là 7.959.184 đồng của khoản vay thứ sáu.

12. Người vay thứ mười hai, Trần Thị Tuyết N (sinh năm 1968):

Từ tháng 02/2021 đến tháng 01/2024, chị N có 17 khoản vay có mức lãi suất trên 100%/năm, gồm:

- Khoản vay một: Chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 17/02/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị N trả được 20 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, đến ngày 11/03/2021 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 01%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 33.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 567.000 đồng.

- Khoản vay hai, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 11/03/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị N trả được 22 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, đến ngày 31/03/2021 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,91%/ngày, 27,27%/tháng, 331,82%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 36.300 đồng, thu lợi bất chính số tiền 563.700 đồng.

- Khoản vay ba, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 31/03/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị N trả đủ 24 ngày với số tiền 3.600.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 39.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 560.400 đồng.

- Khoản vay bốn, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 24/04/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị N trả được 21 ngày với số tiền 3.150.000 đồng, đến ngày 15/05/2021 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,95%/ngày, 28,57%/tháng, 347,62%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 34.650 đồng, thu lợi bất chính số tiền 565.350 đồng.

- Khoản vay năm, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 15/05/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị N trả được 19 ngày với số tiền 2.850.000 đồng, đến ngày 03/06/2021 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản

vay này có mức lãi suất là 1,05%/ngày, 31,58%/tháng, 384,21%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 31.150 đồng, thu lợi bất chính số tiền 568.650 đồng.

- Khoản vay sáu, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 03/06/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị N trả được 20 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, đến ngày 23/06/2021 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 33.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 567.000 đồng.

- Khoản vay bảy, chị N vay K số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 22/05/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị N trả được 13 ngày với số tiền 1.300.000 đồng, đến ngày 04/06/2021 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,54%/ngày, 46,15%/tháng, 561,54%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 14.300 đồng, thu lợi bất chính số tiền 385.700 đồng.

- Khoản vay tám, chị N vay K số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 04/06/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị N trả đủ 24 ngày với số tiền 2.400.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 26.400 đồng, thu lợi bất chính số tiền 373.600 đồng.

- Khoản vay chín, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 23/06/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị N trả đủ 24 ngày với số tiền 3.600.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 39.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 560.400 đồng.

- Khoản vay mười, chị N vay K số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 25/09/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị N trả được 11 ngày với số tiền 1.100.000 đồng, đến ngày 06/10/2023 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,82%/ngày, 54,55%/tháng, 663,64%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 12.100 đồng, thu lợi bất chính số tiền 387.900 đồng.

- Khoản vay mười một, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 06/10/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị N trả được 17 ngày với số tiền 2.550.000 đồng, đến ngày 22/10/2023 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,18%/ngày, 35,29%/tháng, 429,41%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 28.050 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 571.950 đồng.

- Khoản vay mười hai, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 22/10/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.900.000 đồng. Chị N trả được 14 ngày với số tiền 2.100.000 đồng, đến ngày 05/11/2023 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 2,14%/ngày, 64,29%/tháng, 782,14%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 900.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 23.100 đồng, thu lợi bất chính số tiền 876.900 đồng.

- Khoản vay mười ba, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 05/11/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.900.000 đồng. Chị N trả được 17 ngày với số tiền 2.550.000 đồng, đến ngày 22/11/2023 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,76%/ngày, 52,94%/tháng, 644,12%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 900.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 28.050 đồng, thu lợi bất chính số tiền 871.950 đồng.

- Khoản vay mười bốn, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 22/11/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.900.000 đồng. Chị N trả được 18 ngày với số tiền 2.700.000 đồng, đến ngày 10/12/2023 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,67%/ngày, 50%/tháng, 608,33%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 900.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 29.700 đồng, thu lợi bất chính số tiền 870.300 đồng.

- Khoản vay mười lăm, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 10/12/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.900.000 đồng. Chị N trả được 16 ngày với số tiền 2.400.000 đồng, đến ngày 25/12/2023 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,88%/ngày, 56,25%/tháng, 684,38%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 900.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 26.400 đồng, thu lợi bất chính số tiền 873.600 đồng.

- Khoản vay mười sáu, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 25/12/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.900.000 đồng. Chị N trả được 19 ngày với số tiền 2.850.000 đồng, đến ngày 12/01/2024 thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,58%/ngày, 47,37%/tháng, 576,32%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 900.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 31.350 đồng, thu lợi bất chính số tiền 868.650 đồng.

- Khoản vay mười bảy, chị N vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 12/01/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.900.000 đồng. Chị N trả được 03 ngày với số tiền 450.000 đồng tính đến ngày 16/01/2024. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 24,9%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu số tiền lãi là 75.000 đồng, số tiền thu theo quy định là 4.950 đồng, thu lợi bất chính số tiền 70.050 đồng. Hiện chị N còn nợ tiền gốc 2.625.000 đồng.

Với 17 khoản vay trên, cả hai bên giao dịch bằng tiền mặt, tổng số tiền chị N vay của K là 48.000.000 đồng, chị N đã trả cho K số tiền 55.950.000 đồng trong đó có 45.375.000 đồng tiền gốc, 10.575.000 đồng tiền lãi. Kiều được thu lợi theo quy định là 471.900 đồng, thu lợi bất chính số tiền 10.103.100 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 304,17%/năm đến 782,14%/năm, chị N còn nợ số tiền gốc của K là 2.625.000 đồng tiền gốc của khoản vay mười bảy.

13. Người vay thứ mười ba, Lê Thị K1 (sinh năm 1974): Từ tháng 04/2021 đến tháng 08/2023, chị K1 có 35 khoản vay có mức lãi suất trên 100%/năm, gồm:

- Khoản vay 1: chị K1 vay Kiều số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 08/03/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.200.000 đồng. Chị K1 trả được 22 ngày với số tiền 1.100.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,91%/ngày, 27,27%/tháng, 331,82%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 200.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 12.100 đồng, thu lợi bất chính số tiền 187.900 đồng.

- Khoản vay 2: chị K1 vay K số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 31/03/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.200.000 đồng. Chị K1 trả được 22 ngày với số tiền 1.100.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,91%/ngày, 27,27%/tháng, 331,82%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 200.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 12.100 đồng, thu lợi bất chính số tiền 187.900 đồng.

- Khoản vay 3: chị K1 vay Kiều số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 21/04/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.200.000 đồng. Chị K1 trả được 19 ngày với số tiền 950.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,05%/ngày, 31,58%/tháng, 384,21%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 200.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 10.450 đồng, thu lợi bất chính số tiền 189.550 đồng.

- Khoản vay 4: chị K1 vay Kiều số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 10/05/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị K1 trả được 16 ngày với số tiền 1.600.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,25%/ngày, 37,5%/tháng, 456,25%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 17.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 382.400 đồng.

- Khoản vay 5, chị K1 vay K số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 26/05/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị K1 trả được 22 ngày với số tiền 2.200.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,91%/ngày, 27,27%/tháng, 331,82%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 24.200 đồng, thu lợi bất chính số tiền 375.800 đồng.

- Khoản vay 6, chị K1 vay K số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 17/06/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị K1 trả được 19 ngày với số tiền 1.900.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,05%/ngày, 31,58%/tháng, 384,21%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 20.900 đồng, thu lợi bất chính số tiền 379.100 đồng.

- Khoản vay 7, chị K1 vay K số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 05/07/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị K1 trả được 21 ngày với số tiền 2.100.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,95%/ngày, 28,57%/tháng, 347,62%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 23.100 đồng, thu lợi bất chính số tiền 376.900 đồng.

- Khoản vay 8, chị K1 vay K số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 26/07/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 2.400.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 26.400 đồng, thu lợi bất chính số tiền 373.600 đồng.

- Khoản vay 9, chị K1 vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 13/10/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 3.600.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 39.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 560.400 đồng.

- Khoản vay 10, chị K1 vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 08/11/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 3.600.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 39.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 560.400 đồng.

- Khoản vay 11, chị K1 vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 12/12/2021, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị K1 trả được 23 ngày với số tiền 3.450.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,87%/ngày, 26,09%/tháng, 317,39%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 37.950 đồng, thu lợi bất chính số tiền 562.050 đồng.

- Khoản vay 12, chị K1 vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 04/01/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 3.600.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã

thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 39.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 560.400 đồng.

- Khoản vay 13, chị K1 vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 28/01/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đón góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 3.600.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 39.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 560.400 đồng.

- Khoản vay 14, chị K1 vay K số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 25/02/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 150.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 3.600.000 đồng. Chị K1 trả được 20 ngày với số tiền 3.000.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 01%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 33.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 567.000 đồng.

- Khoản vay 15, chị K1 vay K số tiền 4.000.000 đồng từ ngày 16/03/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 4.800.000 đồng. Chị K1 trả được 13 ngày với số tiền 2.600.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 51,54%/ngày, 46,15%/tháng, 61,54%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 600.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 28.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 771.400 đồng.

- Khoản vay 16, chị K1 vay K số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 03/04/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Chị K1 trả được 22 ngày với số tiền 5.500.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,91%/ngày, 27,27%/tháng, 331,82%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 60.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 939.500 đồng.

- Khoản vay 17, chị K1 vay K số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 25/04/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 6.000.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 66.000 đồng, T1 lợi bất chính số tiền 934.000 đồng.

- Khoản vay 18, chị K1 vay K số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 19/05/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Chị K1 trả được 20 ngày với số tiền 5.000.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 55.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 945.000 đồng.

- Khoản vay 19, chị K1 vay K số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 08/06/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Chị K1 trả được 20 ngày với số tiền 5.000.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất

là 01%/ngày, 30%/tháng, 365%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 55.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 945.000 đồng.

- Khoản vay 20, chị K1 vay K số tiền 5.000.000 đồng từ ngày 28/06/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 250.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Chị K1 trả được 13 ngày với số tiền 3.250.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,54%/ngày, 46,15%/tháng, 561,54%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 1.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 35.750 đồng, thu lợi bất chính số tiền 964.250 đồng.

- Khoản vay 21, chị K1 vay Kiều số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 11/07/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Chị K1 trả được 15 ngày với số tiền 7.500.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,33%/ngày, 40%/tháng, 486,67%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 82.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.917.500 đồng.

- Khoản vay 22, chị K1 vay K số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 26/07/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Chị K1 trả được 19 ngày với số tiền 9.500.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,05%/ngày, 31,58%/tháng, 384,21%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 104.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.895.500 đồng.

- Khoản vay 23, chị K1 vay K số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 14/08/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Chị K1 trả được 17 ngày với số tiền 8.500.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,18%/ngày, 35,29%/tháng, 429,41%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 93.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.906.500 đồng.

- Khoản vay 24, chị K1 vay K số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 31/08/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Chị K1 trả được 18 ngày với số tiền 9.000.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,11%/ngày, 33,33%/tháng, 405,56%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 99.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.901.000 đồng.

- Khoản vay 25, chị K1 vay K số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 18/09/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Chị K1 trả được 22 ngày với số tiền 11.000.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,91%/ngày, 27,27%/tháng, 331,82%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 99.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.879.000 đồng.

- Khoản vay 26, chị K1 vay K số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 10/10/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 12.000.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 132.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.868.000 đồng.

- Khoản vay 27, chị K1 vay K số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 12/10/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 12.000.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 132.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.868.000 đồng.

- Khoản vay 28, chị K1 vay K số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 04/11/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 12.000.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 132.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.868.000 đồng.

- Khoản vay 29, chị K1 vay K số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 29/11/2022, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp số tiền 500.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 12.000.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 132.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.868.000 đồng.

- Khoản vay 30, chị K1 vay K số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 11/04/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.300.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 1.300.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 300.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 14.300 đồng, thu lợi bất chính số tiền 285.700 đồng.

- Khoản vay 31, chị K1 vay K số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 09/05/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.300.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 1.300.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 300.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 14.300 đồng, thu lợi bất chính số tiền 285.700 đồng.

- Khoản vay 32, chị K1 vay K số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 06/06/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.300.000 đồng. Chị K1 trả được 24 ngày với số tiền 1.200.000 đồng thì đáo hạn, vay khoản vay mới. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,25%/ngày, 37,5%/tháng, 456,25%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 300.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 13.200 đồng, thu lợi bất chính số tiền 286.800 đồng.

- Khoản vay 33, chị K1 vay K số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 03/07/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.300.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 1.300.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 300.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 14.300 đồng, thu lợi bất chính số tiền 285.700 đồng.

- Khoản vay 34, chị K1 vay K số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 28/07/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đón góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.300.000 đồng. Chị K1 trả đủ số tiền 1.300.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu đủ số tiền lãi 300.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 14.300 đồng, thu lợi bất chính số tiền 285.700 đồng.

- Khoản vay 35, chị K1 vay K số tiền 1.000.000 đồng từ ngày 31/08/2023, trả cả gốc và lãi trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đón góp số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 1.300.000 đồng. Chị K1 trả được 12 ngày với số tiền 600.000 đồng. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu số tiền lãi 138.462 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 6.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 131.862 đồng. Hiện chị K1 còn nợ tiền gốc 538.462 đồng.

Với 35 khoản vay trên, cả hai giao dịch bằng tiền mặt, chị K1 vay của K tổng số tiền 156.000.000 đồng, chị K1 đã trả cho K số tiền 187.700.000 đồng trong đó có 155.461.538 đồng tiền gốc, 31.238.462 đồng tiền lãi. Kiều được thu lợi theo quy định là 1.771.550 đồng, thu lợi bất chính số tiền 29.866.912 đồng, mức lãi suất thấp nhất là 304,17%/năm đến 561,54%/năm. Chị K1 còn nợ K số tiền gốc là 538.462 đồng của khoản vay 35.

14. Người vay thứ mười bốn, Nguyễn Thanh S (sinh năm 1978):

Ngày 04/01/2024, anh S vay của K số tiền 2.000.000 đồng, trả góp cả gốc và lãi theo ngày trong vòng 26 ngày, mỗi ngày đón góp 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.600.000 đồng. Anh S đã trả cho K 06 ngày với số tiền 600.000 đồng, tính đến ngày 10/01/2024. Khoản vay này có mức lãi suất là 1,15%/ngày, 34,62%/tháng, 421,15%/năm, K đã thu số tiền lãi là 138.462 đồng, số tiền thu theo quy định là 6.600 đồng, thu lợi bất chính số tiền 131.862 đồng. Anh S còn nợ lại K số tiền gốc là 1.538.462 đồng.

15. Người vay thứ mười lăm, Kim Thị H3 (sinh năm 1965):

Ngày 13/06/2021, chị H3 vay của K số tiền 2.000.000 đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 24 ngày, mỗi ngày đóng góp số tiền 100.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. chị H3 đã trả đủ 24 ngày với số tiền 2.400.000 đồng cho K vào ngày 07/07/2021. Với khoản vay này có mức lãi suất là 0,83%/ngày, 25%/tháng, 304,17%/năm, K thu số tiền lãi là 400.000 đồng, số tiền thu lợi theo quy định là 26.400 đồng, thu lợi bất chính số tiền 373.600 đồng. Hiện chị H3 không còn khoản nợ nào với K.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị K thu lợi bất chính từ việc cho 15 người trên vay là 155.574.035 đồng. Lãi suất mà Nguyễn Thị K cho vay tiền là từ 162,22% đến 1.068,93%.

Vật chứng của vụ án

- 02 cuốn vở học sinh ghi chép tiền vay góp (thu của K);
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung (thu của K);
- Số tiền 8.000.000 đồng (K giao nộp để khắc phục hậu quả).

Về dân sự: Nguyễn Thị K yêu cầu chị Nguyễn Kim C, anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Mộng T1, chị Huỳnh Thị Kim H2, chị Ngô Trương Ngọc C1, chị Nguyễn Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Ngọc D1, chị Nguyễn Thị T2, chị Trần Thị P, chị Trần Thị Tuyết N, chị Lê Thị K1, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trả tiền gốc tổng 44.531.835 đồng (bút lục 30); chị Nguyễn Kim C còn nợ tiền gốc 615.385 đồng, anh Nguyễn Thanh S còn nợ tiền gốc 1.538.462 đồng, chị Nguyễn Thị Mộng T1 còn nợ tiền gốc 1.384.615 đồng, chị Huỳnh Thị Kim H2 còn nợ tiền gốc 6.111.111 đồng, chị Ngô Trương Ngọc C1 còn nợ tiền gốc 1.769.231 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc D còn nợ tiền gốc 4.923.077 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc D1 còn nợ tiền gốc 1.769.231 đồng, chị Nguyễn Thị T2 còn nợ tiền gốc 4.538.462 đồng, chị Trần Thị P còn nợ tiền gốc 7.959.184 đồng, chị Trần Thị Tuyết N còn nợ tiền gốc 2.625.000 đồng, chị Lê Thị Kim C2 nợ tiền gốc 538.462 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ còn nợ tiền gốc 10.759.615 đồng. Tất cả những người trên yêu cầu K không tiếp tục lấy tiền lãi và sẽ trả tiền gốc còn lại cho K, đồng thời yêu cầu K trả lại tiền thu lợi bất chính.

Cáo trạng số: 264/CT-VKSTPTĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Thị K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Buộc bị cáo nộp lại tiền mà bị cáo dùng để cho vay lãi nặng đã thu về để sung quỹ nhà nước; đối với những khoản cho vay lãi nặng mà người vay chưa trả đủ tiền gốc cho bị cáo thì buộc những người này nộp số tiền gốc còn lại để sung quỹ nhà nước; tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu để sung quỹ nhà nước; tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu về để trả lại cho những người vay.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của mình, bị cáo chỉ vì không hiểu biết pháp luật nên mới vi phạm. Bị cáo đã rất ăn năn hối cải về hành vi phạm pháp của mình nên rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có cơ hội làm ăn chân chính nuôi gia đình, con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều đúng pháp luật.

[2] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 01/2024, Nguyễn Thị K đã cho 15 người trên địa bàn thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là chị Nguyễn Thị Mộng T1, chị Huỳnh Thị Kim H2, chị Ngô Trương Ngọc C1, chị Nguyễn Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Ngọc D1, chị Nguyễn Thị T2, chị Trần Thị P, chị Trần Thị Tuyết N, chị Lê Thị K1, chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, chị Phan Thị Hoàng Q, chị Nghiêm Thị Thanh T3, chị Kim Thị H3, chị Nguyễn Kim C và anh Nguyễn Thanh S vay với tổng số tiền 501.000.000 đồng dưới hình thức vay đứng và vay trả góp với mức lãi suất cho vay từ 162,22% đến 1.068,93%/năm, vượt gấp 8,11 đến 53,44 lần so với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự; Nguyễn Thị K đã thu lãi với tổng số tiền 166.131.835 đồng, trong đó thu lợi đúng quy định là 10.557.800 đồng, thu lợi bất chính với tổng số tiền 155.574.035 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên đã cố ý thực hiện hành vi với tổng số tiền đã thu lợi bất chính là 155.574.035 đồng. Hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài những người vay tiền nêu trên K còn cho một số người khác vay (16 người). Tuy nhiên, K cho vay đã lâu và vay trong thời gian ngắn, bản thân K không nhớ thông tin vay và nhân thân người vay, cơ quan cảnh sát điều tra chưa tìm kiếm được thông tin của những người vay này nên chưa có căn cứ xử lý.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Tổng số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là 155.574.035 đồng nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền để khắc phục hậu quả nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và đã nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính. Tuy nhiên, hành vi phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế vì mục đích vụ lợi của bị cáo diễn ra một trong khoản thời gian dài gây hưởng đến chính sách tiền tệ quốc gia nên cần phải có một hình phạt thích đáng đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo nói riêng và xã hội nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Xét thấy theo quy định của pháp luật, bị cáo phải nộp lại khoản tiền dùng để cho vay, tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu để sung quỹ nhà nước; tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu để trả lại cho người vay nên Hội đồng xét xử không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 cuốn vở học sinh ghi chép tiền vay góp (thu của K) là tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của K nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung (thu của K) liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 8.000.000 đồng do bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả tiếp tục giữ để thi hành án.

[7] Về xử lý tiền liên quan đến việc phạm tội:

[7.1] Buộc những người vay nộp lại tiền gốc còn nợ để sung quỹ nhà nước, cụ thể:

- Chị Huỳnh Thị Kim H2 số tiền 6.111.111 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Mộng T1 số tiền 1.384.615 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 4.923.077 đồng.
- Chị Nguyễn Kim C số tiền 615.385 đồng.
- Chị Ngô Trương Ngọc C1 số tiền 1.769.231 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc D1 số tiền 1.769.231 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 10.759.615 đồng.
- Chị Nguyễn Thị T2 số tiền 4.538.462 đồng.
- Chị Trần Thị P số tiền 7.959.184 đồng.
- Chị Trần Thị Tuyết N số tiền 2.625.000 đồng.
- Chị Lê Thị Kim S1 tiền 538.462 đồng.
- Anh Nguyễn Thanh S số tiền 1.538.462 đồng.

[7.2] Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc mà Nguyễn Thị K dùng để cho vay đã thu lại được từ những người vay xác định được là 456.468.165 đồng.

[7.3] Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Nguyễn Thị K đã thu của người vay là 10.557.800 đồng.

[7.4] Buộc Nguyễn Thị K trả lại cho những người vay số tiền thu lợi bất chính, cụ thể:

- Chị Huỳnh Thị Kim H2 số tiền 13.316.511 đồng.
- Chị Phan Thị Hoàng Q số tiền 7.927.950 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Mộng T1 số tiền 1.630.715 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 3.687.227 đồng.
- Chị Nguyễn Kim C số tiền 395.585 đồng.
- Chị Ngô Trương Ngọc C1 số tiền 1.280.181 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc D1 số tiền 7.206.181 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 11.858.115 đồng.
- Chị Nguyễn Thị T2 số tiền 6.697.912 đồng.
- Chị Nghiêm Thị Thanh T3 số tiền 13.368.000 đồng.
- Chị Trần Thị P số tiền 47.712.184 đồng.
- Chị Trần Thị Tuyết N số tiền 10.103.100 đồng.
- Chị Lê Thị Kim S1 tiền 29.866.912 đồng.
- Anh Nguyễn Thanh S số tiền 131.862 đồng.
- Chị Kim Thị H3 số tiền 373.600 đồng.

[8] Xét bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị K** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị K**: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về xử lý tiền liên quan đến việc phạm tội: Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

3.1 Buộc những người vay nộp lại tiền gốc còn nợ để sung quỹ nhà nước, cụ thể:

- Chị Huỳnh Thị Kim H2 số tiền 6.111.111 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Mộng T1 số tiền 1.384.615 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 4.923.077 đồng.
- Chị Nguyễn Kim C số tiền 615.385 đồng.
- Chị Ngô Trương Ngọc C1 số tiền 1.769.231 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc D1 số tiền 1.769.231 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 10.759.615 đồng.
- Chị Nguyễn Thị T2 số tiền 4.538.462 đồng.
- Chị Trần Thị P số tiền 7.959.184 đồng.
- Chị Trần Thị Tuyết N số tiền 2.625.000 đồng.
- Chị Lê Thị Kim S1 tiền 538.462 đồng.
- Anh Nguyễn Thanh S số tiền 1.538.462 đồng.

3.2 Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc mà Nguyễn Thị K dùng để cho vay đã thu lại được từ những người vay xác định được là 456.468.165 đồng.

3.3 Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Nguyễn Thị K đã thu của người vay là 10.557.800 đồng.

3.4 Buộc Nguyễn Thị K trả lại cho những người vay số tiền thu lợi bất chính, cụ thể:

- Chị Huỳnh Thị Kim H2 số tiền 13.316.511 đồng.
- Chị Phan Thị Hoàng Q số tiền 7.927.950 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Mộng T1 số tiền 1.630.715 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 3.687.227 đồng.
- Chị Nguyễn Kim C số tiền 395.585 đồng.
- Chị Ngô Trương Ngọc C1 số tiền 1.280.181 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc D1 số tiền 7.206.181 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 11.858.115 đồng.
- Chị Nguyễn Thị T2 số tiền 6.697.912 đồng.
- Chị Nghiêm Thị Thanh T3 số tiền 13.368.000 đồng.
- Chị Trần Thị P số tiền 47.712.184 đồng.
- Chị Trần Thị Tuyết N số tiền 10.103.100 đồng.
- Chị Lê Thị Kim S1 tiền 29.866.912 đồng.
- Anh Nguyễn Thanh S số tiền 131.862 đồng.
- Chị Kim Thị H3 số tiền 373.600 đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 02 cuốn vở học sinh ghi chép tiền vay góp (thu của K).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung (thu của K) theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 311C ngày 12/6/2024 và Phiếu nhập kho số NK25/311C ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

- Tiếp tục giữ đối với số tiền 8.000.000 đồng do bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả để thi hành án theo Giấy nộp tiền mặt số 25379363 ngày 29/5/2024 tại Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh thành phố T.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương